

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST

Ngày 10-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Tân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khưu Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Hà Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1997 tại Bạc Liêu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (đã chết); bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967; chị, em ruột: gồm 02 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2018 đến nay. “có mặt”.

- Bị hại: Chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1996. Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; cư trú: Khóm T, phường T, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. “ Có đơn xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2018, Lê Văn L và Lê Thị Trà M quen biết nhau thông qua mạng Zalo và nảy sinh tình cảm. Trong thời gian quen biết L dùng điện thoại di động Iphone 5, chụp nhiều ảnh nhạy cảm của M. Đến tháng 10 năm 2018, do thiếu tiền tiêu xài, L nảy sinh ý định và nhiều lần nhắn tin, đe dọa đưa ảnh nhạy cảm của M lên mạng xã hội Facebook, nhằm chiếm đoạt tài sản của M, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 27/10/2018, L dùng số điện thoại 0886655530 nhắn tin vào số điện thoại 0911510366 của M, với nội dung đe dọa sẽ đưa ảnh nhạy cảm của M lên mạng xã hội Facebook và L yêu cầu M đưa cho L 1.500.000 đồng. M lo sợ L đăng ảnh nhạy cảm của mình lên mạng xã hội nên chấp nhận. Ngày 28/10/2018, M nói lại sự việc với bạn là Trần Hồng T và cùng T đến nhà trọ của L tại khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu đưa tiền theo yêu cầu của L.

Lần thứ hai: Vào ngày 31/10/2018, L tiếp tục dùng số điện thoại 0886655530 nhắn tin vào số điện thoại 0911510366 của M, với nội dung đe dọa sẽ đưa ảnh nhạy cảm của M lên mạng xã hội Facebook và L yêu cầu M đưa cho L số tiền 350.000 đồng. M lo sợ L đăng ảnh nhạy cảm của mình lên mạng xã hội nên chấp nhận và nhờ người bạn tên N đưa tiền cho L. Ngày 01/11/2018 L nhờ chị Trang Thị Thanh N nhận số tiền 350.000 đồng từ người bạn của M tại khóm 8, phường 1, thành phố Bạc Liêu.

Lần thứ ba: Vào ngày 18/11/2018, L tiếp tục dùng số điện thoại 0886655530 nhắn tin vào số điện thoại 0911510366 của M, với nội dung đe dọa sẽ đưa ảnh nhạy cảm của M lên mạng xã hội Facebook và L yêu cầu M đưa cho L số tiền 1000.000 đồng. M lo sợ L đăng ảnh nhạy cảm của mình lên mạng xã hội nên chấp nhận. Ngày 22/11/2018, L nhờ Trương Quốc H đi nhận tiền của M nhưng do trời mưa nên H chưa nhận được. Đến ngày 25/11/2018, L nhờ người chạy xe ôm (không rõ nhân thân) đi nhận tiền của M. M yêu cầu gặp trực tiếp L để giao tiền nhưng L không đồng ý, mà tiếp tục nhắn tin đe dọa, yêu cầu M phải đưa tiền theo yêu cầu của L. Cùng ngày M đến Công an tỉnh Bạc Liêu trình báo sự việc.

Ngày 25/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu mời L về trụ sở làm việc. Qua làm việc L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại F9, màu xanh RAM 4 GB, bộ nhớ 64 GB gắn sim số 0886655530; 01 thẻ ATM màu xanh của ngân hàng Sacombank, số thẻ 9704030131536440; 01 sợi dây chuyền và 01 lắc bằng kim loại màu vàng.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê

Văn L phạm tội “Cuồng đoạt đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Lê Văn Linh đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo.

Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn L thống nhất các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Lê Thị Trà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại là chị Lê Thị Trà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại Lê Thị Trà M đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra; về phân trách nhiệm dân sự cũng đã nêu cụ thể rõ ràng, sự vắng mặt của chị M không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Công an thành phố Bạc Liêu; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của chị Trần Thị T, chị Trang Thị Thanh N, anh Trương Quốc H và bị hại Lê Thị Trà M về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản, cách thức chiếm đoạt tài sản; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, đủ căn cứ chứng minh:

Vì động cơ vụ lợi bất chính, trong thời gian từ ngày 27/10/2018 đến ngày 25/11/2018, Lê Văn L đã 03 lần dùng thủ đoạn nhắn tin, đe dọa đưa ảnh nhạy cảm của chị Lê Thị Trà M lên mạng xã hội Facebook, qua đó uy hiếp chị M, nhằm chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 2.850.000 đồng. Tuy lần thứ ba L chưa nhận được số tiền 1.000.000 đồng, nhưng ý thức của L quyết tâm chiếm

đoạt tiền của M, nên nhiều lần nhấn tin đe dọa, việc không nhận được tiền của M là ngoài ý muốn của L. Căn cứ quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự quy định: Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt. Như vậy, Lê Văn L được áp dụng chính sách hình sự đối với lần phạm thứ ba là phạm tội chưa đạt.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Văn L có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn L là thanh niên có sức khỏe, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đáng lẽ phải lo chí thú làm ăn để có tiền lo cho bản thân và chăm sóc gia đình, nhưng lại lười lao động, thích hưởng thụ, vì muốn có tiền một cách nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, nên nhiều lần thực hiện hành vi đe dọa để uy hiếp người khác, nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo L không những xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản..., của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với việc Lê Văn L mượn số tiền 2.000.000 đồng của Lê Thị Trà M, L không có ý thức chiếm đoạt, sự việc xảy ra trước khi L có hành vi nhấn tin đe dọa để chiếm đoạt tài sản của M, xét thấy đây là quan hệ dân sự nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Đối với việc Lê Văn L nhiều lần mượn tiền, tài sản của chị Trần Thị Minh T và chị Lê Ngọc B, xét thấy lời khai của chị T và chị B trong quá trình điều tra thể hiện là chị T và chị B biết được Lê Văn L có lời nói dối về hoàn cảnh gia đình, cũng như mượn tiền của T và B, nhưng vì có tình cảm với nhau nên chị T và chị B tự nguyện cho L mượn tiền. Do đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ dân sự, không có yếu tố cấu thành tội phạm nên không đề cập xem xét trong vụ án. Đối với việc L vay, mượn tài sản của người tên T và tên N, do hai người này không rõ nhân thân nên không làm việc được.

Đối với chị Trang Thanh N và anh Trương Quốc H, giúp Lê Văn L nhận tiền của Lê Thị Trà M, nhưng không biết là tài sản do L phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạm tội 02 lần trở lên.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Trà M yêu cầu bị cáo Linh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với số tiền bị chiếm đoạt là 1.850.000 đồng và bồi thường về tổn thất tinh thần là 3.000.000 đồng, ngoài ra chị M không yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Lê Văn L dùng hình ảnh nhạy cảm đe dọa, uy hiếp đối với chị M để chiếm đoạt tài sản, làm cho chị M hoang mang, lo sợ và ảnh đến sức khỏe, tinh thần của chị M. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự, người nào có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản..., của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường; đồng thời, tại phiên tòa, Lê Văn L đã đồng ý các khoản yêu cầu bồi thường của chị M. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại đối với bị cáo, buộc bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Trà M số tiền đã chiếm đoạt là 1.850.000 đồng và 3.000.000 đồng thiệt hại về tổn thất tinh thần, tổng cộng là 4.850.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với sim số 0886655530 của bị cáo L dùng để nhắn tin đe dọa, nhằm chiếm đoạt tài sản, xét thấy có giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với điện thoại di động loại Iphone 5, màu trắng của bị cáo Lê Văn L dùng lưu hình ảnh của Lê Thị Trà M và điện thoại bàn phím không rõ nhãn hiệu gắn sim số 0886655530, L dùng để nhắn tin đe dọa, nhằm chiếm đoạt tài sản, L đã làm hỏng sau đó ném bỏ, không thu hồi được.

Đối với các tài sản, đồ vật khác của Lê Văn L không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Bạc Liêu về tội danh, hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 15; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 30/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Trà M số tiền 4.850.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim số 0886655530.

Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2019 .

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- Nhà tạm giữ Công an TP Bạc Liêu;
- Công an TP Bạc Liêu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Trần Minh Tân